

BẢNG TỪ VỰNG ÔN TẬP - NATURE & PLACES

Từ / Nghĩa	Điền nghĩa tương ứng
hill	
đặc biệt	
always	
seldom	
hiếm khi	
suggest	
stressful	
đông đúc	
subway	
ferry	
ward	
seaside	
nature lover	
skyscraper	
province	
district	
village	
town	
valley	
scenery	
cottage	
meadow	
stream	
dune	

desert	
--------	--